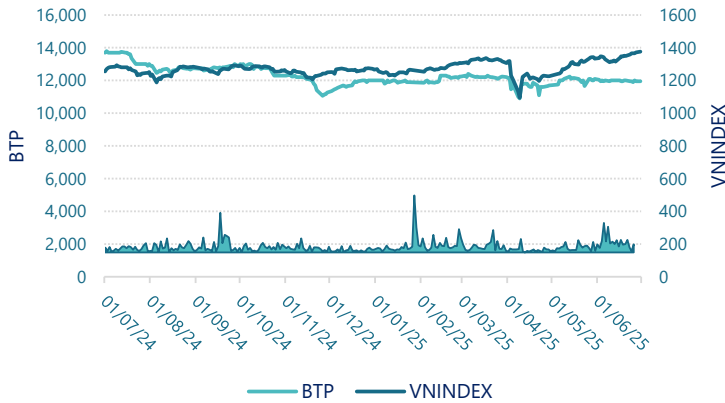




## CTCP Nhiệt điện Bà Rịa (HSX: BTP)

### Lịch sử giá



### Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	<b>11,950</b>
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,794
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,900
SL cổ phiếu LH	60,485,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,860
% sở hữu nước ngoài	6.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	723
P/E	22.0
EPS	543

#### DT thuần

Q2/25

# 66.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.50 | 16.7%

YoY: ▼ 88.6 | -57.2%

#### LN sau thuế

Q2/25

# -0.11

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 10.9 | -101%

YoY: ▼ 5.52 | -102%

#### Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

# 0.3%

+/- YoY: ▼ 4.4%

#### DT thuần

6T 2025

# 123

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 81.0 | -39.5%

#### LN sau thuế

6T 2025

# 10.7

tỷ VNĐ

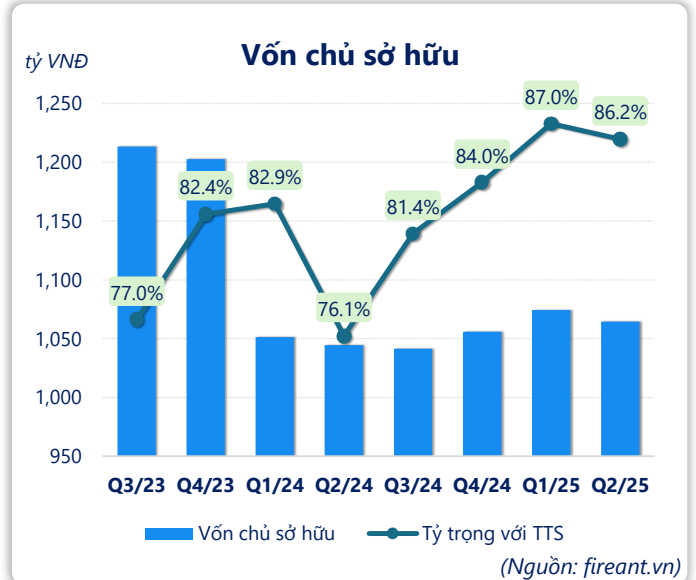
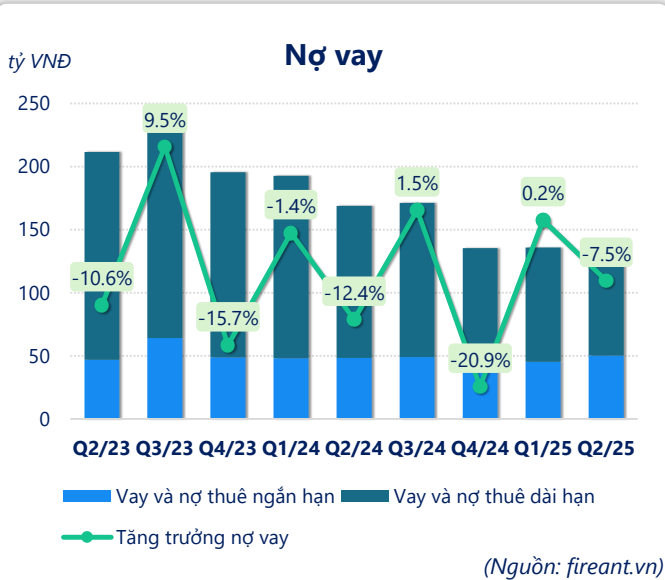
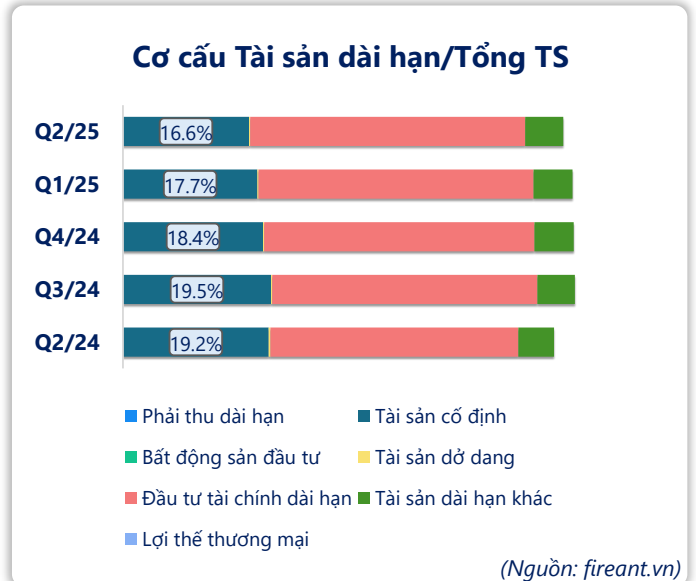
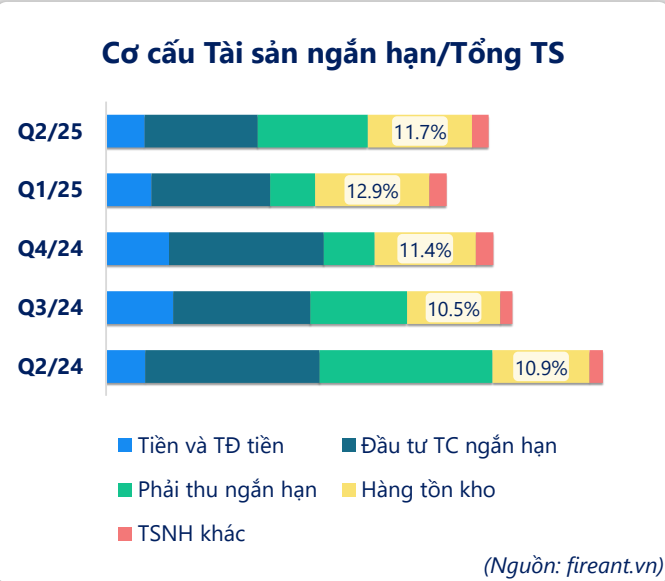
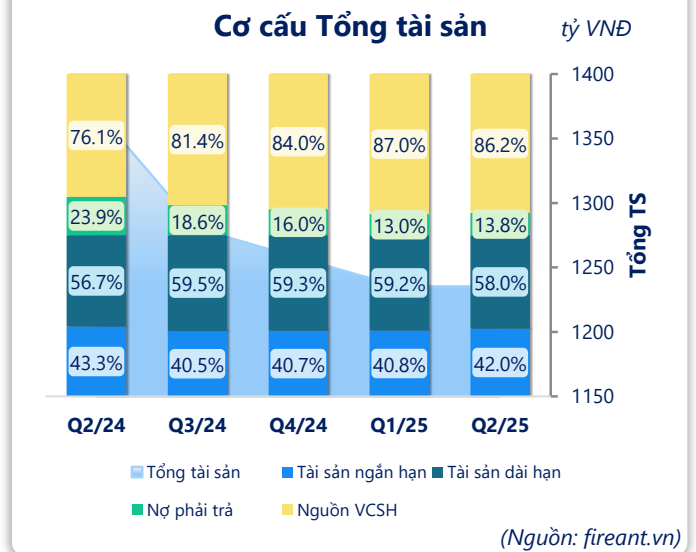
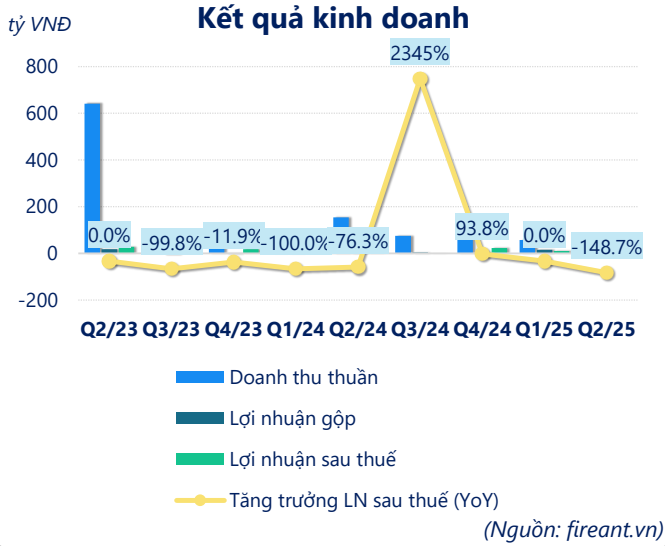
YoY: ▼ 4.20 | -28.3%

#### ROE

Q2/25

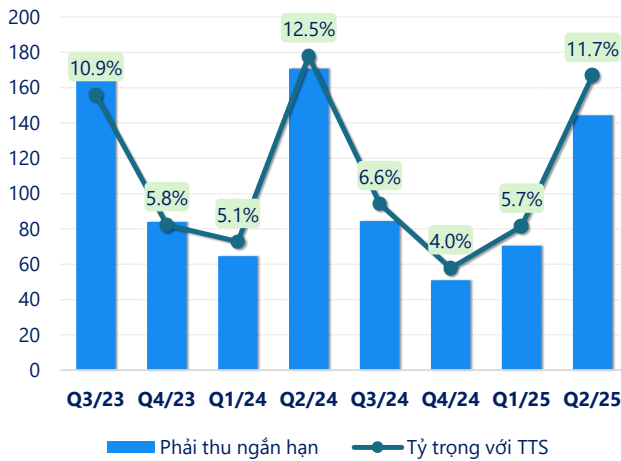
# 3.1%

+/- YoY: ▼ 0.8%



tỷ VNĐ

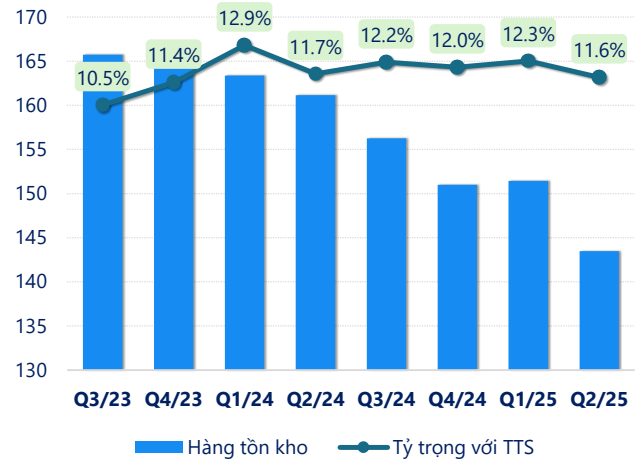
**Phải thu ngắn hạn**



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

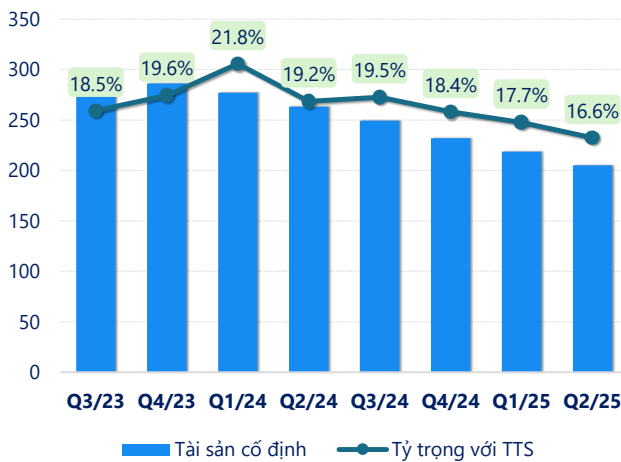
**Hàng tồn kho**



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

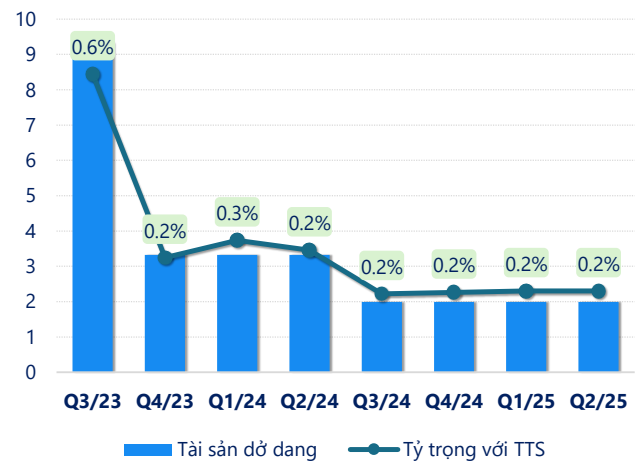
**Tài sản cố định**



(Nguồn: fireant.vn)

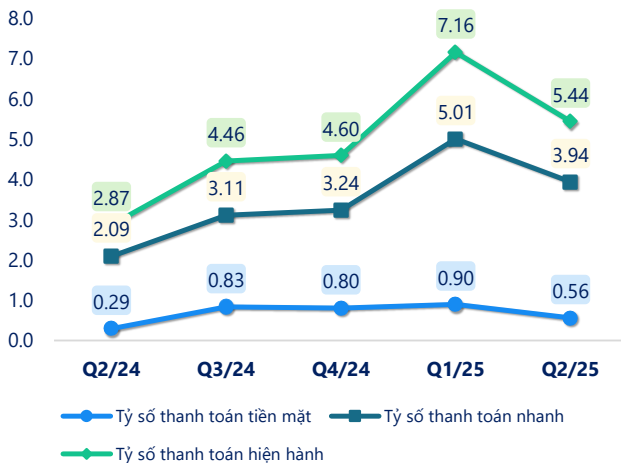
tỷ VNĐ

**Tài sản dở dang**



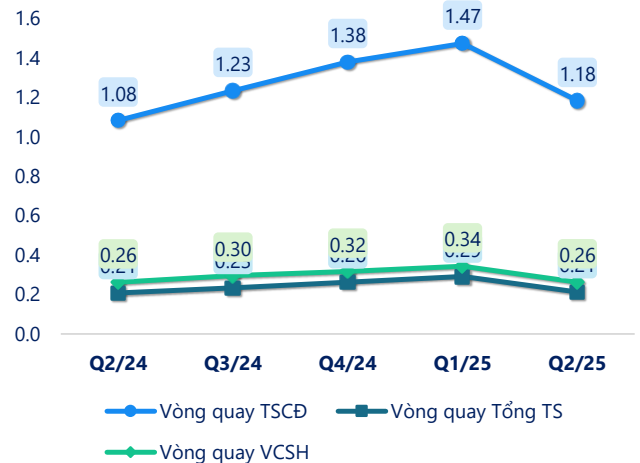
(Nguồn: fireant.vn)

**Chi số thanh khoản**



(Nguồn: fireant.vn)

**Vòng quay tài sản**



(Nguồn: fireant.vn)

<b>CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b> (tỷ VNĐ)	<b>Q2/24</b>	<b>Q3/24</b>	<b>Q4/24</b>	<b>Q1/25</b>	<b>Q2/25</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1,372</b>	<b>1,280</b>	<b>1,257</b>	<b>1,235</b>	<b>1,235</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>593</b>	<b>519</b>	<b>512</b>	<b>504</b>	<b>519</b>
Tiền và tương đương tiền	60.7	96.8	89.3	63.2	53.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	175	160	200	200	165
Phải thu ngắn hạn	171	84.4	50.8	70.4	144
Hàng tồn kho	161	156	151	151	143
Tài sản ngắn hạn khác	25.6	21.2	20.4	19.3	13.0
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>778</b>	<b>762</b>	<b>746</b>	<b>731</b>	<b>716</b>
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	263	249	232	219	205
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.32	1.99	1.99	1.99	1.99
Đầu tư tài chính dài hạn	447	447	447	447	447
Tài sản dài hạn khác	64.6	62.9	64.7	63.3	61.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
<b>Nợ phải trả</b>	<b>327</b>	<b>239</b>	<b>202</b>	<b>161</b>	<b>171</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>207</b>	<b>116</b>	<b>111</b>	<b>70.5</b>	<b>95.4</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	48.2	48.9	45.2	45.3	50.3
Phải trả người bán ngắn hạn	116	17.3	39.1	1.99	2.08
Nợ dài hạn	121	122	90.3	90.5	75.4
Vay và nợ thuê dài hạn	121	122	90.3	90.5	75.4
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>1,044</b>	<b>1,042</b>	<b>1,056</b>	<b>1,074</b>	<b>1,065</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1,044</b>	<b>1,042</b>	<b>1,056</b>	<b>1,074</b>	<b>1,065</b>
Vốn điều lệ	605	605	605	605	605
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)